



Câu 1: Trong các chất HF, HCl, HBr và HI thì

- A. HF là axit mạnh nhất
- B. HF được bảo quản và vận chuyển trong các lọ thủy tinh.
- C. HCl tan vô hạn trong nước.
- D. HI là axit mạnh nhất.

Câu 2: Hãy cho biết nhận định nào đúng trong số các nhận định dưới đây?

- A. Nguyên tố clo có tính phi kim mạnh hơn nguyên tố oxi.
- B. Oxi phản ứng trực tiếp được với clo khi đốt nóng.
- C. Clo có độ âm điện tương đương độ âm điện của oxi.
- D. Ở điều kiện thường oxi kém hoạt động hóa học hơn clo.

Câu 3: Thêm rất từ từ dung dịch chứa 0,3 mol HCl vào 400 ml dung dịch Na_2CO_3 0,5 M đến khi kết thúc phản ứng thu được dung dịch X và khí Y. Thêm tiếp nước vôi trong dư vào dung dịch X, sau phản ứng khối lượng kết tủa thu được là --

- A. 5 gam.
- B. 8 gam.
- C. 10 gam.
- D. 15 gam.

Câu 4: Cho các phương trình phản ứng sau:

- 1). $\text{CH}_3-\text{CH}=\text{CH}_2 + \text{Cl}_2 \longrightarrow \text{CH}_3-\text{CHCl}-\text{CH}_2\text{Cl}$
- 2). $\text{CH}_3-\text{CH}=\text{CH}_2 + \text{HClO} \longrightarrow \text{CH}_3-\text{CH}(\text{OCl})-\text{CH}_3$.
- 3). $\text{CH}_3-\text{CH}=\text{CH}_2 + \text{H}_2\text{O} \longrightarrow \text{CH}_3-\text{CH}_2-\text{CH}_2\text{OH}$.
- 4). $\text{CH}_3-\text{CH}=\text{CH}_2 + \text{BrI} \longrightarrow \text{CH}_3-\text{CHBr}-\text{CH}_2\text{I}$.

Phản ứng được viết đúng theo qui tắc Maccopnicop là

- A. (1).
- B. (2), (3).
- C. (2), (3), (4).
- D. (4).

Câu 5: Trong các loại phân bón hóa học sau, loại nào có hàm lượng P_2O_5 cao nhất?

- A. Supe phốt phát đơn.
- B. Supe phốt phát kép.
- C. Phân lân tự nhiên.
- D. Phân lân nung chảy.

Câu 6: Do có tác dụng diệt khuẩn, đặc biệt là vi khuẩn gây thối rữa nên dung dịch của hợp chất X được dùng để ngâm xác động vật, thuộc da, tẩy uế.... X là

- A. rượu metylic.
- B. rượu etylic.
- C. anđehit fomic.
- D. anđehit axetic.

Câu 7: Có hai hidrocacbon A, B là chất khí ở điều kiện thường, không phải là đồng phân của nhau. Khi đốt cháy hoàn toàn mỗi chất đều tạo ra số mol nước gấp 3 lần số mol mỗi chất đã cháy. A và B thỏa mãn sơ đồ chuyển hóa sau: A $\xrightarrow{\text{Fe}, 600^\circ\text{C}}$ X \longrightarrow Y \longrightarrow B \longrightarrow Cao su buna

Trong đó X, Y có cùng số lượng nguyên tử cacbon trong phân tử. Vậy Y là

- A. vinylaxetilen.
- B. etanol.
- C. n-butan.
- D. vinyl clorua.

Câu 8: Hợp chất A có công thức tổng quát $(\text{C}_x\text{H}_4\text{O}_x)_n$ thuộc loại axit no đa chức, mạch hở. Giá trị của x và n tương ứng là

- A. 4 và 1.
- B. 3 và 2.
- C. 2 và 2.
- D. 2 và 3.

Câu 9: Axit stearic có công thức phân tử là

- A. $\text{C}_{15}\text{H}_{31}\text{COOH}$.
- B. $\text{C}_{17}\text{H}_{31}\text{COOH}$.
- C. $\text{C}_{17}\text{H}_{33}\text{COOH}$.
- D. $\text{C}_{17}\text{H}_{35}\text{COOH}$.

Câu 10: Để nhận biết các hợp chất đơn chức có cùng công thức phân tử $\text{C}_2\text{H}_4\text{O}_2$ có thể dùng

- A. dung dịch HCl.
- B. dung dịch NaOH.
- C. dung dịch NH_3 .
- D. dung dịch $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$.

Câu 11: Đun nóng xenlulozo với hỗn hợp HNO_3 và H_2SO_4 đặc, thu được chất dễ cháy, nổ mạnh không có khói nên được dùng làm thuốc súng không khói. Sản phẩm đó là

- A. trinitroxenlulozo.
- B. trinitrat xenlulozo.
- C. dinitroxenlulozo.
- D. mononitroxenlulozo

Câu 12: Cho các chất sau: $\text{C}_6\text{H}_5-\text{NH}_2$ (A); $\text{Cl}-\text{C}_6\text{H}_4-\text{NH}_2$ (B); $\text{O}_2\text{N}-\text{C}_6\text{H}_4-\text{NH}_2$ (C); $\text{CH}_3-\text{C}_6\text{H}_4-\text{NH}_2$ (D).

Chất có tính bazơ mạnh nhất là

- A. A.
- B. B.
- C. C.
- D. D.

Câu 13: Đốt cháy hoàn toàn 0,3 gam hợp chất A có tỉ khói hơi so với hidro bằng 30, sản phẩm tạo ra chỉ gồm 224ml khí CO_2 (dktc) và 0,18 gam H_2O . Chất A vừa phản ứng được với NaOH, vừa có phản ứng tráng gương. Vậy A là

- A. axit axetic.
- B. HOCH_2CHO .
- C. HCOOCH_3 .
- D. HOOC-CHO .

Câu 14: Polivinyl clorua, polimetacrilat methyl có tính chất nào sau đây giống nhau?

- 1) Khó tan trong etanol, trong nước.
 - 2) Không bay hơi.
 - 3) Không có điểm cháy rõ rệt.
- A. (1) và (2).
 - B. (1) và (3).
 - C. (2) và (3).
 - D. (1), (2) và (3).

Câu 15: Đặc điểm của ăn mòn hóa học là

- A. không phụ thuộc nhiệt độ và không phát sinh dòng điện.
- B. phụ thuộc nhiệt độ và phát sinh dòng điện.
- C. phụ thuộc nhiệt độ và không phát sinh dòng điện.
- D. phụ thuộc nhiệt độ và có thể có hoặc không phát sinh dòng điện.

Câu 16: Trong công nghiệp, amoniac được điều chế từ nitơ và hiđro bằng phương pháp tổng hợp:



Phản ứng theo chiều thuận là phản ứng tỏa nhiệt. Về lý thuyết, cân bằng trên sẽ dịch chuyển về phía tạo thành amoniac nếu

A. giảm nhiệt độ và giảm áp suất.

C. tăng nhiệt độ và tăng áp suất.

B. giảm nhiệt độ và tăng áp suất.

D. tăng nhiệt độ và giảm áp suất.

Câu 17: Nung nóng một hỗn hợp gồm $CaCO_3$ và MgO tới khối lượng không đổi, thì số gam chất rắn còn lại chỉ bằng $\frac{2}{3}$ số gam hỗn hợp trước khi nung. Vậy phần trăm theo khối lượng của $CaCO_3$ trong hỗn hợp ban đầu là

A: 75,76%.

B: 24,24%.

C: 66,67%.

D: 33,33%.

Câu 18: Dung dịch $NaHCO_3$ trong nước

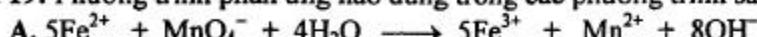
A. cho môi trường kiềm ($pH > 7$).

C. không làm đổi màu qui tím.

B. cho môi trường axit ($pH < 7$).

D. không bị thủy phân bởi nước.

Câu 19: Phương trình phản ứng nào đúng trong các phương trình sau?



Câu 20: Cho mỗi chất sau: Na_2O , ZnO , Al_2O_3 , CrO_3 vào dung dịch $NaOH$, có phản ứng xảy ra đối với

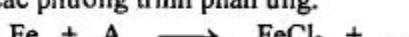
A. Na_2O , Al_2O_3 .

B. ZnO và Al_2O_3 .

C. CrO_3 .

D. tất cả các oxit.

Câu 21: Cho các phương trình phản ứng:



Chất A nào sau đây đã chọn không đúng?

A. HCl .

B. Cl_2 .

C. $CuCl_2$.

D. $FeCl_3$.

Câu 22: Công thức hóa học của clorua vôi là

A. $CaCl_2$.

B. $CaOCl_2$.

C. CaO_2Cl .

D. $Ca(ClO)_2$.

Câu 23: Cho $AgNO_3$ vào từng dung dịch NaF , $NaCl$, $NaBr$, Nal thì muối halogen tạo được kết tủa là

A. $NaCl$.

B. $NaCl$ và $NaBr$.

C. $NaCl$, $NaBr$ và Nal .

D. tất cả 4 muối đã cho.

Câu 24: Đun nóng hỗn hợp gồm glixin và alanin thu được tripeptit mạch hở, trong đó tỉ lệ gốc của glixin và alanin là 2:1. Hãy cho biết có bao nhiêu tripeptit được tạo ra?

A. 2 chất.

B. 3 chất.

C. 4 chất.

D. 5 chất.

Câu 25: Cho một hỗn hợp gồm Cu , Fe , Ag , Mg . Dùng dung dịch nào sau đây có thể tách riêng được Ag ra khỏi hỗn hợp?

A. HNO_3 đặc, nóng.

B. H_2SO_4 đặc, nóng.

C. Dung dịch HCl .

D. Dung dịch $Fe(NO_3)_3$.

Câu 26: Este X (có khối lượng phân tử bằng 103 dvC) được điều chế từ một ancol đơn chức (có tỉ khối hơi so với oxi lớn hơn 1) và một amino axit. Cho 25,75 gam X phản ứng hết với 300 ml dung dịch $NaOH$ 1M, thu được dung dịch Y. Côn cạn Y thu được m gam chất rắn. Giá trị m là

A. 29,75

B. 27,75

C. 26,25

D. 24,25

Câu 27: Hòa tan hết 7,2 gam hỗn hợp A gồm 2 muối cacbonat của 2 kim loại kế tiếp nhau trong phân nhóm chính II bằng dung dịch H_2SO_4 loãng, thu được khí B. Cho toàn bộ khí B hấp thụ hết bởi dung dịch $Ba(OH)_2$ dư thu được 15,76 gam kết tủa. Hai kim loại ban đầu là

A. Be và Mg .

B. Mg và Ca .

C. Ca và Sr .

D. Sr và Ba .

Câu 28: Hòa tan 7,02 gam hỗn hợp gồm mantozơ và glucozơ vào nước rồi cho tác dụng hết với dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3 thu được 6,48 gam Ag. Phần trăm theo khối lượng của glucozơ trong hỗn hợp ban đầu là

A. 76,92%.

B. 51,28%.

C. 25,64%.

D. 55,56%.

Câu 29: Đốt cháy hoàn toàn hỗn hợp gồm FeS_2 và Ag_2S với những số mol bằng nhau thu được 3,36 lít SO_2 (dktc) và chất rắn B. Cho B vào cốc đựng lượng dư dung dịch axit HCl . Số gam chất rắn không tan trong axit HCl là

A. 14,35 gam.

B. 7,175 gam.

C. 10,8 gam.

D. 5,4 gam.

Câu 30: Có bao nhiêu đồng phân axit (kể cả đồng phân cis-, trans-) ứng với công thức phân tử $C_4H_6O_2$?

A. 2 chất.

B. 3 chất.

C. 4 chất.

D. 5 chất.

Câu 31: Đốt cháy hoàn toàn 0,1 mol este X thu được 0,3 mol khí CO_2 và 0,3 mol H_2O . Nếu cho 0,1mol X tác dụng hết với $NaOH$ thì thu được 8,2 gam muối. X là

A. $HCOOCH_3$

B. $HCOOC_2H_5$

C. CH_3COOCH_3

D. $CH_3COOC_2H_5$

Câu 32: Chia m gam hỗn hợp gồm Na_2O và Al_2O_3 thành 2 phần đều nhau:

Phần 1: Hòa tan trong nước dư thu được 1,02 gam chất rắn không tan.

Phần 2: Hòa tan hết trong dung dịch HCl 1M thì cần vừa đủ 140ml dung dịch HCl . Khối lượng hỗn hợp ban đầu m có giá trị bằng

A. 2,26 gam.

B. 2,66 gam.

C. 5,32 gam.

D. 7,0 gam.

Câu 33: Hiđrocacbon X có khối lượng mol bằng 100 gam. Cho X tác dụng với clo tạo ra hỗn hợp 3 dẫn xuất monoclo là đồng phân của nhau. Có bao nhiêu chất X thỏa mãn điều kiện trên?

A. 2 chất.

B. 3 chất.

C. 4 chất.

D. 5 chất.

Câu 34: Cho các chất: C₂H₂ (A); HCHO (B) và HCOOH (C). Chất có thể tác dụng với dung dịch AgNO₃/NH₃ tạo ra kết tủa là

- A. (A). B. (B). C. (B) và (C). D. (A), (B) và (C).

Câu 35: Hấp thụ hoàn toàn 0,336 lít khí CO₂ (đktc) vào 200 ml dung dịch gồm NaOH 0,1M và KOH 0,1M thu được dung dịch X. Cố cạn toàn bộ dung dịch X thu được bao nhiêu gam chất rắn khan?

- A. 2,58 gam. B. 2,22 gam. C. 2,31 gam. D. 2,44 gam.

Câu 36: Hai chất được dùng để làm mềm nước cứng vĩnh cửu là

- A. Na₂CO₃ và HCl. B. NaCl và Ca(OH)₂. C. Na₂CO₃ và Ca(OH)₂. D. Na₂CO₃ và Na₃PO₄.

Câu 37: Hoà tan hoàn toàn 0,3 mol hỗn hợp gồm Al và Al₂O₃ vào dung dịch KOH (dư), thu được a mol hỗn hợp khí và dung dịch X. Sục khí CO₂ (dư) vào dung dịch X, lượng kết tủa thu được là 46,8 gam. Giá trị của a là

- A. 0,55. B. 0,60. C. 0,40. D. 0,45.

Câu 38: Nung nóng m gam hỗn hợp gồm Al và Fe₃O₄ trong điều kiện không có không khí. Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được hỗn hợp rắn X. Cho X tác dụng với dung dịch NaOH (dư) thu được dung dịch Y, chất rắn Z và 3,36 lít khí H₂ (ở đktc). Sục khí CO₂ (dư) vào dung dịch Y, thu được 39 gam kết tủa. Giá trị của m là

- A. 48,3 B. 57,0 C. 45,6 D. 36,7

Câu 39: Đốt cháy hoàn toàn 4,64 gam một hiđrocacbon X (chất khí ở điều kiện thường) rồi đem toàn bộ sản phẩm cháy hấp thụ hết vào bình đựng dung dịch Ba(OH)₂. Sau các phản ứng thu được 39,4 gam kết tủa và khối lượng phản ứng giảm bớt 19,912 gam. Công thức phân tử của X là

- A. CH₄. B. C₄H₁₀. C. C₂H₄. D. C₃H₄.

Câu 40: Hỗn hợp X gồm 0,15 mol vinylacetilen và 0,6 mol H₂. Nung nóng hỗn hợp X (xúc tác Ni) một thời gian, thu được hỗn hợp Y có tỉ khói so với H₂ bằng 10. Dẫn hỗn hợp Y qua dung dịch brom dư, sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, khối lượng brom tham gia phản ứng là

- A. 0 gam. B. 24 gam. C. 8 gam. D. 16 gam.

Câu 41: Đốt cháy hoàn toàn m gam hỗn hợp X gồm hai ancol đơn chức, cùng dây đồng đắng, thu được 15,68 lít khí CO₂ (đktc) và 17,1 gam nước. Mặt khác, thực hiện phản ứng este hóa m gam X với 15,6 gam axit axetic, thu được a gam este. Biết hiệu suất phản ứng este hóa của hai ancol đều bằng 60%. Giá trị của a là

- A. 25,79. B. 15,48 C. 24,80. D. 14,88.

Câu 42: Cho hỗn hợp X gồm ancol metylic, etylen glicol và glixerol. Đốt cháy hoàn toàn m gam X thu được 6,72 lít khí CO₂ (đktc). Cũng m gam X trên cho tác dụng với Na dư thu được tối đa V lít khí H₂ (đktc). Giá trị của V là

- A. 3,36. B. 11,20. C. 5,60. D. 6,72.

Câu 43: Oxi hoá 4,48 lít C₂H₄ (ở đktc) bằng O₂ (xúc tác PdCl₂, CuCl₂), thu được chất X đơn chức. Toàn bộ lượng chất X trên cho tác dụng với HCN (dư) thì được 7,1 gam CH₃CH(CN)OH (xianohidrin). Hiệu suất quá trình tạo CH₃CH(CN)OH từ C₂H₄ là

- A. 70%. B. 50%. C. 60%. D. 80%.

Câu 44: Cho m gam hỗn hợp hơi X gồm hai ancol (đơn chức, bậc I, là đồng đắng kế tiếp) phản ứng với CuO dư, thu được hỗn hợp hơi Y gồm nước và anđehit. Tỉ khói hơi của Y so với khí hiđrô bằng 14,5. Cho toàn bộ Y phản ứng hoàn toàn với lượng dư dung dịch AgNO₃ trong NH₃, thu được 97,2 gam Ag. Giá trị của m là

- A. 14,0. B. 10,1. C. 18,9. D. 14,7.

Câu 45: Chất nào sau đây vừa tác dụng được với dung dịch NaOH, vừa tác dụng được với nước Br₂?

- A. CH₃CH₂COOH. B. CH₃COOCH₃. C. CH₂=CHCOOH. D. CH₃CH₂CH₂OH.

Câu 46: Đốt cháy hoàn toàn 7,6 gam hỗn hợp gồm một axit cacboxylic rò, đơn chức, mạch hở và một ancol đơn chức (có số nguyên tử cacbon trong phân tử khác nhau) thu được 0,3 mol CO₂ và 0,4 mol H₂O. Thực hiện phản ứng este hóa 7,6 gam hỗn hợp trên với hiệu suất 80% thu được m gam este. Giá trị của m là

- A. 8,16. B. 6,12. C. 2,04. D. 4,08.

Câu 47: Thủy phân hoàn toàn m gam dipeptit Gly-Ala (mạch hở) bằng dung dịch KOH vừa đủ, thu được dung dịch X. Cố cạn toàn bộ dung dịch X thu được 2,4 gam muối khan. Giá trị của m là

- A. 1,46. B. 1,36. C. 1,64. D. 1,22.

Câu 48: Khối lượng của tinh bột cần dùng trong quá trình lên men để tạo thành 5 lít rượu (ancol) etylic 46° là (biết hiệu suất của cả quá trình là 72% và khối lượng riêng của rượu etylic nguyên chất là 0,8 g/ml)

- A. 4,5 kg. B. 6,0 kg. C. 5,0 kg. D. 5,4 kg.

Câu 49: Trong phân tử aminoaxit X có một nhóm amino và một nhóm cacboxyl. Cho 15,0 gam X tác dụng vừa đủ với dung dịch NaOH, cố cạn dung dịch sau phản ứng thu được 19,4 gam muối khan. Công thức của X là

- A. H₂N₂C₄H₈COOH. B. H₂N₂C₃H₆COOH. C. H₂N₂C₂H₄COOH. D. H₂NCH₂COOH.

Câu 50: Cho 21 gam hỗn hợp gồm glyxin và axit axetic tác dụng vừa đủ với dung dịch KOH, thu được dung dịch X chứa 32,4 gam muối. Cho X tác dụng với dung dịch HCl dư, thu được dung dịch chứa m gam muối. Giá trị của m là

- A. 44,65. B. 50,65. C. 22,35. D. 33,50.

-----o0o-----

Cho: H = 1; Li = 7; Be = 9; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; S = 32; Cl = 35,5; K = 39; Ca = 40; Mn = 55; Fe = 56; Cu = 64; Zn = 65; Rb = 85; Sr = 88; Ag = 108; Sn = 119; Cs = 133; Ba = 137.



ĐÁP ÁN BÀI KIỂM TRA KIẾN THỨC MÔN HÓA HỌC LỚP 12 – NĂM HỌC 2012-2013

Mã đề thi : 103

Câu 1: D.	Câu 2: D.	Câu 3: C.	Câu 4: D.	Câu 5: B.
Câu 6: C.	Câu 7: B.	Câu 8: B.	Câu 9: D.	Câu 10: D.
Câu 11: B.	Câu 12: D.	Câu 13: C.	Câu 14: D.	Câu 15: C.
Câu 16: B.	Câu 17: A.	Câu 18: A.	Câu 19: B.	Câu 20: D.
Câu 21: B.	Câu 22: B.	Câu 23: C.	Câu 24: B.	Câu 25: D.
Câu 26: C.	Câu 27: B.	Câu 28: B.	Câu 29: C.	Câu 30: D.
Câu 31: C.	Câu 32: C.	Câu 33: C.	Câu 34: D.	Câu 35: C.
Câu 36: D.	Câu 37: B.	Câu 38: A.	Câu 39: D.	Câu 40: B.
Câu 41: D.	Câu 42: A.	Câu 43: B.	Câu 44: D.	Câu 45: C.
Câu 46: D.	Câu 47: A.	Câu 48: A.	Câu 49: D.	Câu 50: A.

Mã đề thi : 125

Câu 1: C.	Câu 2: B.	Câu 3: B.	Câu 4: B.	Câu 5: C.
Câu 6: C.	Câu 7: D.	Câu 8: D.	Câu 9: D.	Câu 10: D.
Câu 11: B.	Câu 12: D.	Câu 13: A.	Câu 14: B.	Câu 15: B.
Câu 16: B.	Câu 17: C.	Câu 18: A.	Câu 19: A.	Câu 20: D.
Câu 21: B.	Câu 22: C.	Câu 23: A.	Câu 24: C.	Câu 25: B.
Câu 26: C.	Câu 27: A.	Câu 28: B.	Câu 29: A.	Câu 30: D.
Câu 31: D.	Câu 32: B.	Câu 33: B.	Câu 34: C.	Câu 35: C.
Câu 36: D.	Câu 37: D.	Câu 38: D.	Câu 39: D.	Câu 40: D.
Câu 41: D.	Câu 42: C.	Câu 43: D.	Câu 44: D.	Câu 45: D.
Câu 46: C.	Câu 47: B.	Câu 48: C.	Câu 49: A.	Câu 50: B.

Mã đề thi : 147

Câu 1: D.	Câu 2: D.	Câu 3: C.	Câu 4: C.	Câu 5: B.
Câu 6: B.	Câu 7: B.	Câu 8: C.	Câu 9: D.	Câu 10: A.
Câu 11: A.	Câu 12: B.	Câu 13: C.	Câu 14: B.	Câu 15: A.
Câu 16: D.	Câu 17: B.	Câu 18: B.	Câu 19: D.	Câu 20: D.
Câu 21: B.	Câu 22: A.	Câu 23: C.	Câu 24: B.	Câu 25: C.
Câu 26: A.	Câu 27: C.	Câu 28: B.	Câu 29: C.	Câu 30: A.
Câu 31: D.	Câu 32: D.	Câu 33: B.	Câu 34: C.	Câu 35: B.
Câu 36: B.	Câu 37: D.	Câu 38: D.	Câu 39: D.	Câu 40: A.
Câu 41: C.	Câu 43: C.	Câu 42: D.	Câu 44: D.	Câu 45: D.
Câu 46: D.	Câu 47: C.	Câu 48: D.	Câu 49: B.	Câu 50: D.

Mã đề thi : 169

Câu 1: B.	Câu 2: C.	Câu 3: D.	Câu 4: D.	Câu 5: D.
Câu 6: B.	Câu 7: B.	Câu 8: C.	Câu 9: D.	Câu 10: C.
Câu 11: A.	Câu 12: B.	Câu 13: B.	Câu 14: A.	Câu 15: D.
Câu 16: B.	Câu 17: D.	Câu 18: C.	Câu 19: A.	Câu 20: B.
Câu 21: A.	Câu 22: B.	Câu 23: A.	Câu 24: A.	Câu 25: C.
Câu 26: C.	Câu 27: C.	Câu 28: C.	Câu 29: B.	Câu 30: B.
Câu 31: B.	Câu 32: C.	Câu 33: D.	Câu 34: D.	Câu 35: D.
Câu 36: D.	Câu 37: B.	Câu 38: D.	Câu 39: D.	Câu 40: D.
Câu 41: D.	Câu 42: D.	Câu 43: B.	Câu 44: A.	Câu 45: B.
Câu 46: C.	Câu 47: D.	Câu 48: C.	Câu 49: C.	Câu 50: D.